

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật
các thiết bị, dụng cụ điện

Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện¹:

¹ Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện trước khi đưa vào sử dụng và trong quá trình sử dụng, vận hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành các thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định an toàn kỹ thuật;
2. Tổ chức kiểm định;
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện (gọi tắt là kiểm định)* là việc đánh giá theo quy trình về mức độ an toàn của thiết bị và dụng cụ điện trước khi đưa vào sử dụng, trong quá trình sử dụng, vận hành trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2.² *(Được bãi bỏ).*

3. *Tổ chức kiểm định* gồm: Tổ chức thực hiện dịch vụ kiểm định hoặc bộ phận kiểm định thuộc tổ chức sử dụng, vận hành các thiết bị, dụng cụ điện.

Điều 4. Danh mục các thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định

1. Danh mục các thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung “Danh mục các thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định” phù hợp với yêu cầu quản lý, điều kiện kỹ thuật, công nghệ của các thiết bị, dụng cụ điện và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nội dung kiểm định

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.”

² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Nội dung kiểm định được quy định cụ thể trong các quy trình kiểm định được ban hành tương ứng với từng loại thiết bị, dụng cụ điện, bao gồm một hoặc nhiều nội dung chính sau:

1. Kiểm tra bên ngoài;
2. Đo điện trở cách điện;
3. Đo điện trở của các cuộn dây;
4. Kiểm tra độ bền của điện môi;
5. Đo điện trở tiếp xúc;
6. Đo dòng điện rò;
7. Đo các thông số đóng cắt thiết bị;
8. Kiểm tra hoạt động của các cơ cấu an toàn, các bộ phận có chức năng bảo vệ như bộ điều tốc, phanh hãm;
- 9.³ **(Được bãi bỏ).**

Điều 6. Chu kỳ kiểm định

1. Kiểm định lần đầu
Kiểm định lần đầu thực hiện trước khi đưa vào sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện.
2. Kiểm định định kỳ được thực hiện trong quá trình sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện;
 - a) Đối với các thiết bị điện trong dây chuyền đang vận hành không thể tách rời để kiểm định riêng lẻ, được kiểm định theo chu kỳ đại tu dây chuyền thiết bị trừ trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều này;
 - b)⁴ Đối với các thiết bị điện không thuộc điểm a khoản này, được kiểm định định kỳ theo quy định của nhà sản xuất, nhưng không quá 36 tháng đối với các thiết bị, dụng cụ điện quy định tại Mục II và Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCT.

3. Kiểm định bất thường

Thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi đã khắc phục xong sự cố hoặc theo nhu cầu của các tổ chức/cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện.

Điều 7. Kiểm định thiết bị, dụng cụ điện⁵

³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

⁴ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

⁵ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

1. Việc kiểm định các thiết bị, dụng cụ điện được thực hiện bởi tổ chức kiểm định đáp ứng yêu cầu tại Điều 9 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và được Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định theo quy định.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

2. Nội dung quy trình kiểm định do tổ chức kiểm định xây dựng cho từng loại thiết bị, dụng cụ trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCT; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nước ngoài được áp dụng tại Việt Nam; quy định, hướng dẫn của nhà chế tạo. Các hạng mục và phương pháp kiểm định phải được thể hiện trong từng quy trình cụ thể.

3. Ngay sau khi kết thúc kiểm định, thiết bị, tổ chức thực hiện việc kiểm định thực hiện dán tem kiểm định cho thiết bị, dụng cụ điện đạt yêu cầu.

a) Mẫu tem kiểm định theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCT. Vị trí dán tem không bị che khuất, dễ quan sát và tránh được tác động không có lợi của môi trường;

b) Trường hợp thiết bị, dụng cụ điện ở vị trí hoặc môi trường không thể thực hiện việc dán tem thì khi kết thúc kiểm định, tổ chức thực hiện việc kiểm định cấp Giấy chứng nhận kiểm định cho thiết bị, dụng cụ điện thay cho việc dán tem.

Điều 8. ⁶ (Được bãi bỏ).

Điều 9. ⁷ (Được bãi bỏ)

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

a) Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) ⁸Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động kiểm định, xem xét và công bố danh sách các tổ chức kiểm định trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;

⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

⁸ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

c) Định kỳ hoặc đột xuất thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định trong lĩnh vực kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện của các tổ chức kiểm định, các tổ chức/cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện trên phạm vi toàn quốc.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật trong lĩnh vực kiểm định của các tổ chức kiểm định, các tổ chức/cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện trên địa bàn quản lý.

3. Tổ chức/cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện

a) Lựa chọn tổ chức kiểm định đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này;

b) Xây dựng danh mục các thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định để theo dõi quản lý;

c) Lập kế hoạch tách thiết bị điện ra khỏi vận hành để kiểm định, đảm bảo thiết bị và dụng cụ điện được kiểm định đúng chu kỳ quy định tại Điều 6 Thông tư này;

d) Có phương án bảo đảm an toàn cho kiểm định viên thực hiện kiểm định và hệ thống thiết bị điện liên quan đang vận hành;

đ) Giám sát việc thực hiện kiểm định của tổ chức kiểm định theo quy trình đã được ban hành;

e) Duy trì và đảm bảo sự phù hợp của các thiết bị và dụng cụ điện trong quá trình sử dụng sau khi được kiểm định, theo các yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nước ngoài được áp dụng tại Việt Nam.

4. Tổ chức kiểm định

a) ⁹ (**Được bãi bỏ**);

b) Kiểm định trong phạm vi, đối tượng mà tổ chức đã đăng ký hoạt động kiểm định;

c) Thực hiện đầy đủ các hạng mục, nội dung quy định trong quy trình kiểm định, đảm bảo chất lượng và thời gian thực hiện;

d) Bảo đảm tính chính xác về năng lực thực hiện kiểm định;

đ) Chỉ được sử dụng kiểm định viên thuộc tổ chức kiểm định khác khi đã có thỏa thuận hợp tác bằng văn bản với tổ chức của mình để thực hiện kiểm định;

⁹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm định của kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý và kiểm định viên thuộc tổ chức kiểm định có thỏa thuận hợp tác bằng văn bản để thực hiện kiểm định;

g) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tổ chức kiểm định gây ra theo quy định của pháp luật. Thu hồi kết quả kiểm định đã ban hành khi phát hiện sai phạm;

h) ¹⁰Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, cấp thẻ kiểm định viên thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị dụng cụ điện theo quy định của pháp luật. Tài liệu huấn luyện bao gồm các nội dung về đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quy định pháp luật và nội dung kiểm định theo quy định tại Thông tư số 33/2015/TT-BCT.

Điều 11. Hiệu lực thi hành¹¹

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 01 năm 2017.

2. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật/Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia/Tiêu chuẩn được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để xem xét giải quyết. /ly

BỘ CÔNG THƯƠNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 06 /VBHN-BCT

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2018

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Website Bộ Công Thương;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;
- Lưu: VT, ATMT, PC.



Trần Tuấn Anh

¹⁰ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

¹¹ Điều 8 Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.”

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ ĐIỆN PHẢI KIỂM ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên các thiết bị, dụng cụ điện
I	¹² (Được bãi bỏ)
II	Sử dụng ở môi trường không có nguy hiểm về khí cháy và bụi nổ, có cấp điện áp từ 1.000V trở lên
1	Chống sét van
2	Máy biến áp
3	Máy cắt
4	Cáp điện
5	Cầu dao cách ly, cầu dao tiếp địa
III	Dụng cụ điện
1	Sào cách điện.

¹² Mục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

PHỤ LỤC II

CÁC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên tiêu chuẩn/quy chuẩn
1	<p>TCVN 6306:2006(IEC 60076) - Máy biến áp điện lực</p> <ul style="list-style-type: none">- TCVN 6306-1 (IEC 60076-1), Máy biến áp điện lực - Phần 1: Quy định chung- TCVN 6306-2 (IEC 60076-2), Máy biến áp điện lực - Phần 2: Độ tăng nhiệt- TCVN 6306-3 (IEC 60076-3), Máy biến áp điện lực - Phần 3: Mức cách điện, thử nghiệm điện môi và khoảng cách ly bên ngoài trong không khí- TCVN 6306-5 (IEC 60076-5), Máy biến áp điện lực - Phần 5: Khả năng chịu ngắn mạch- TCVN 6306-11 : 2009 (IEC 60076-11), Máy biến áp điện lực - Phần 11: Máy biến áp kiểu khô
2	<p>TCVN 6627 Máy điện quay</p> <ul style="list-style-type: none">- TCVN 6627-1:2014 (IEC 60034-1:2010) về Máy điện quay - Phần 1: Thông số đặc trưng và tính năng- TCVN 6627-5:2008 về Máy điện quay - Phần 5: Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài nhờ thiết kế tích hợp (mã IP) - Phân loại- TCVN 6627-6:2011 về Máy điện quay - Phần 6: Phương pháp làm mát (Mã IC)- TCVN 6627-11:2008 về Máy điện quay - Phần 11: Bảo vệ nhiệt- TCVN 6627-14:2008 về Máy điện quay - Phần 14: Rung cơ khí của máy điện có chiều cao tâm trục bằng 56 mm và lớn hơn - Đo, đánh giá và giới hạn độ khắc nghiệt rung- TCVN 6627-15:2011 về Máy điện quay - Phần 15: Mức chịu điện áp xung của cuộn dây stato định hình dùng cho máy điện quay xoay chiều- TCVN 6627-18-1:2011 về Máy điện quay - Phần 18-1: Đánh giá chức năng hệ thống cách điện - Hướng dẫn chung
3	<p>TCVN 6615:2009(IEC 61058) - Thiết bị đóng cắt dùng cho thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none">- TCVN 6615-1:2009 (IEC 61058-1:2008) về thiết bị đóng cắt dùng cho thiết bị - Phần 1: Yêu cầu chung- TCVN 6615-2-5:2013 về thiết bị đóng cắt dùng cho thiết bị - Phần

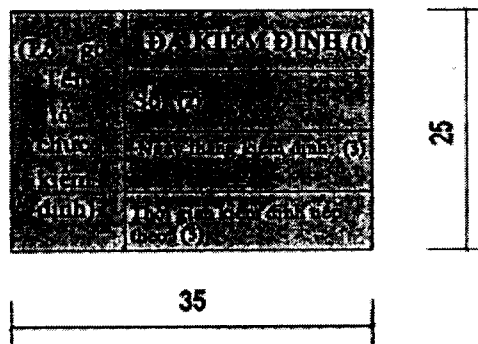
	<p>2-5: Yêu cầu cụ thể đối với bộ lựa chọn chuyển đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TCVN 6615-2-1:2013 về thiết bị đóng cắt dùng cho thiết bị - Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đóng cắt lắp trên dây mềm - TCVN 6615-2-4:2013 về thiết bị đóng cắt dùng cho thiết bị - Phần 2-4: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đóng cắt lắp độc lập
4	<p>TCVN 8096 - Tủ điện đóng cắt và điều khiển cao áp</p> <ul style="list-style-type: none"> - TCVN 8096-107:2010 (IEC 62271-107:2005) - Tủ điện đóng cắt và điều khiển cao áp - Phần 107: Cầu dao kèm cầu chảy xoay chiều dùng cho điện áp danh định lớn hơn 1 kV đến và bằng 52 kV - TCVN 8096-200:2010 (IEC 62271-200:2003), Tủ điện đóng cắt và điều khiển cao áp - Phần 200. Tủ điện đóng cắt và điều khiển xoay chiều có vỏ bọc bằng kim loại dùng cho điện áp danh định lớn hơn 1 kV và bằng 52 kV
5	<p>TCVN 6734:2000 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Yêu cầu an toàn về kết cấu và sử dụng</p>
6	<p>TCVN 7079:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò</p> <ul style="list-style-type: none"> - TCVN 7079-0:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 0: Yêu cầu chung - TCVN 7079-1:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 1: Vỏ không xuyên nổ. Dạng bảo vệ “d” - TCVN 7079-2:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 2: Vỏ được thổi dưới áp suất dư. Dạng bảo vệ “p” - TCVN 7079-5:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 5: Thiết bị đổ đầy cát. Dạng bảo vệ “q” - TCVN 7079-6:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 6: Thiết bị đổ đầy dầu. Dạng bảo vệ “o” - TCVN 7079-7:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 7: Tăng cường độ tin cậy. Dạng bảo vệ “e” - TCVN 7079-9:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 9: Phân loại và ghi nhãn - TCVN 7079-11:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 11: An toàn tia lửa. Dạng bảo vệ “i” - TCVN 7079-17:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 17: Kiểm tra và bảo dưỡng thiết bị - TCVN 7079-19:2002 Thiết bị điện dùng trong mỏ hầm lò. Phần 19: Sửa chữa và đại tu thiết bị

7	TCVN 5334:2007 Thiết bị điện kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ Yêu cầu an toàn trong thiết kế, lắp đặt và sử dụng
8	TCVN 6780-4:2009 về Yêu cầu an toàn trong khai thác hầm lò mỏ quặng và phi quặng - Phần 4: Công tác cung cấp điện
9	TCVN 9888 (IEC 62305) Bảo vệ chống sét - TCVN 9888-1:2013 (IEC 62305-1:2010), Phần 1: Nguyên tắc chung - TCVN 9888-2:2013 (IEC 62305-2:2010), Phần 2: Quản lý rủi ro - TCVN 9888-3:2013 (IEC 62305-3:2010), Phần 3: Thiệt hại vật chất đến kết cấu và nguy hiểm tính mạng - TCVN 9888-4:2013 (IEC 62305-4:2010), Phần 4: Hệ thống điện và điện tử bên trong các kết cấu
10	TCVN 9628 - 1:2013 (IEC 60832 -1:2010) Làm việc có điện - Sào cách điện và các cơ cấu lắp kèm - Phần 1: Sào cách điện
11	Các quy phạm trang bị điện được ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Phần I: Quy định chung Phần II: Hệ thống đường dẫn điện Phần III: Trang bị phân phối và trạm biến áp Phần IV: Bảo vệ và tự động
12	Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện được ban hành kèm theo Thông tư số 40/2009/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Thông tư số 04/2011/TT-BCT ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Tập 5: Kiểm định an toàn kỹ thuật trang thiết bị hệ thống điện Tập 6: Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện Tập 7: Thi công các công trình điện Tập 8: Quy chuẩn kỹ thuật điện hạ áp
13	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện QCVN 01:2008/BCT được ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
14	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04:2009/BCT về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên do Bộ Công Thương ban hành
15	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2011/BCT về an toàn trong khai thác than hầm lò do Bộ Công Thương ban hành

PHỤ LỤC III

MẪU TEM KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCT
ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)



Nền tem màu xanh dương.

(1): Font chữ Times New Roman in hoa đậm, cỡ chữ 5.

(2): Font chữ Times New Roman thường đậm, cỡ chữ 5.

(3): Font chữ Times New Roman thường, cỡ chữ 4.

Kích thước trên bản vẽ là mm.

Đối với thiết bị trong dây chuyền quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 thời gian kiểm định tiếp theo được ghi “Chu kỳ đại tu thiết bị tới”.

PHỤ LỤC IV¹³
PHỤ LỤC V¹⁴
PHỤ LỤC VI¹⁵
PHỤ LỤC VII¹⁶
PHỤ LỤC VIII¹⁷

¹³ Phụ lục IV được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

¹⁴ Phụ lục V được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

¹⁵ Phụ lục VI được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

¹⁶ Phụ lục VII được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

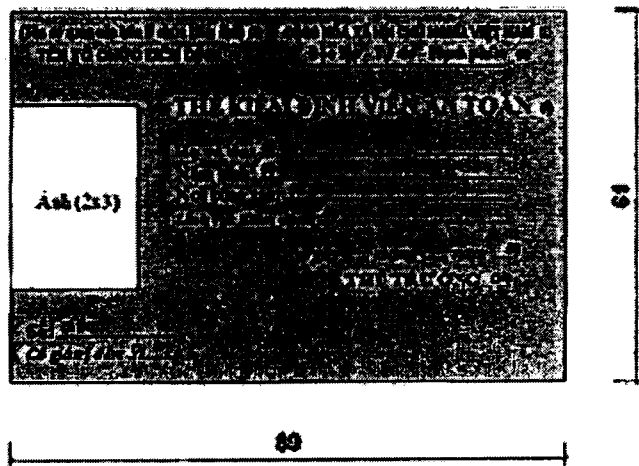
¹⁷ Phụ lục VIII được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 28/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

PHỤ LỤC IX

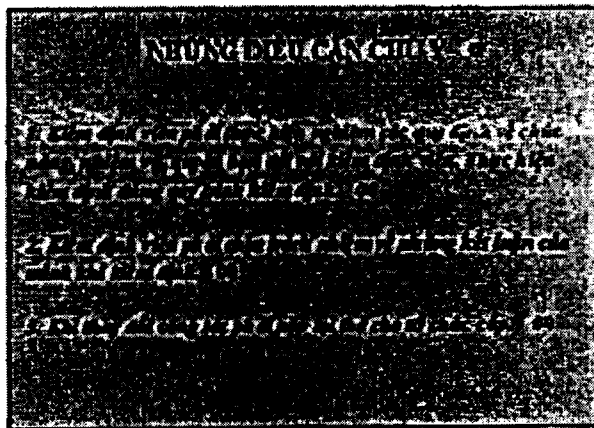
MẪU THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mặt trước thẻ Kiểm định viên



Mặt sau thẻ Kiểm định viên



Nền thẻ màu xanh dương (mặt trước và sau).

- (1): Font chữ Arial in hoa đậm, cỡ chữ 5.
- (2): Font chữ Arial in thường đậm, cỡ chữ 6.
- (3): Font chữ Arial in thường, cỡ chữ 5.
- (4): Font chữ Arial in hoa đậm, cỡ chữ 5.
- (5): Font chữ Times New Roman in hoa đậm, cỡ chữ 7.
- (6): Font chữ Times New Roman thường, cỡ chữ 6.
- (7): Font chữ Times New Roman thường nghiêng đậm, cỡ chữ 5.
- (8): Font chữ Times New Roman thường đậm, cỡ chữ 6.
- (9): Font chữ Times New Roman thường đậm nghiêng, cỡ chữ 6.
- (10): Font chữ Times New Roman in hoa đậm, cỡ chữ 6.
- (11): Font chữ Times New Roman thường nghiêng đậm, cỡ chữ 6./.